

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 7 – 2024.

V/v yêu cầu không công nhận quan
hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiến.
- Ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu** tham gia phiên tòa: Ông Bùi Khắc Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Hồ V, sinh năm 1973.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thái L, sinh năm 1970.

Cùng nơi cư trú: thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Chị V có mặt. Anh L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2024 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồ V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống như vợ chồng từ năm 2005 đến nay tại thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nhưng không đăng ký kết hôn với nhau.

Quá trình sống chung, chị V và anh L sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên ăn nhậu, chửi, đánh đập chị V và

sống thiếu trách nhiệm với gia đình nên chị V và anh L thường xuyên cãi nhau, hiện nay chị V và anh L còn sống chung nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị V không còn tình cảm với anh L, không thể tiếp tục sống chung với anh L nên chị V yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh L.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Lê Thành L1, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Lê Lâm V1, sinh ngày 07/3/2008, ngoài ra không có con chung nào khác. Chị V yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thái L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống như vợ chồng từ năm 2005 đến nay tại thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nhưng không đăng ký kết hôn. Anh L thống nhất về thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn như chị V trình bày, hiện nay anh L cũng không còn tình cảm với chị V, không thể tiếp tục sống chung với chị V, anh L thống nhất với yêu cầu của chị V, yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị V.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Lê Thành L1, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Lê Lâm V1, sinh ngày 07/3/2008, ngoài ra không có con chung nào khác. Anh L đồng ý giao 02 con chung cho chị V nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

Chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, riêng về con chung tên Nguyễn Lê Thành L1, sinh ngày 15/7/2006 tính đến thời điểm xét xử đã thành niên và có khả năng lao động nên chị V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh L. Về con chung: giao cháu Nguyễn Lê Lâm V1, sinh ngày 07/3/2008 cho chị V nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Lê Thành L1, sinh ngày 15/7/2006 đã thành niên, có khả năng lao động, chị V không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị không xem xét, tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị V yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V với anh L. Bị đơn anh Nguyễn Thái L cư trú tại thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Về quan hệ tranh chấp: tại thông báo thụ lý vụ án số 97/TB –TLVA ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” nhưng quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất không đăng ký kết hôn với nhau và đều yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

Bị đơn anh Nguyễn Thái L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt (BL21). HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên toà, chị V thay đổi yêu cầu về con chung tên Nguyễn Lê Thành L1, sinh ngày 15/7/2006 vì tính đến thời điểm xét xử cháu L1 đã thành niên, có khả năng lao động và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh L thống nhất tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và sống chung như vợ chồng từ năm 2005 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Việc các đương sự xác định không đăng ký kết hôn với nhau phù hợp với nội dung xác nhận của UBND xã X 1 tại đơn xin xác nhận đề ngày 13/5/2024 với nội dung: “*ông Nguyễn Thái L và bà Lê Thị Hồ V chưa đăng ký kết hôn tại UBND xã X 1*” (BL 09) và nội dung “*từ tháng 8/2000 đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn của bà Lê Thị Hồ V và ông Nguyễn Thái L tại phường B*” tại Công văn số 970/UBND ngày 21/6/2024 của UBND phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cung cấp (BL25).

Quá trình sống chung, chị V và anh L thống nhất có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và hiện nay không còn tình cảm với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V và anh L thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh L nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị V.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh L thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Lê Thành L1, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Lê Lâm V1, sinh ngày 07/3/2008.

Chị V và anh L thống nhất giao cháu V1 cho chị V nuôi dưỡng và xét thấy cháu V1 đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng sống với chị V (BL 16) nên HĐXX chấp nhận yêu

cầu của chị V.

Riêng cháu L1, sinh ngày 15/7/2006 tính đến thời điểm xét xử đã thành niên, có khả năng lao động, chị V không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị V và anh L thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 3, Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Hồ V.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Hồ V và Nguyễn Thái L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Lâm V1, sinh ngày 07/3/2008 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh L không phải cấp dưỡng nuôi cháu V1. Riêng cháu Nguyễn Lê Thành L1, sinh ngày 15/7/2006 đã thành niên, có khả năng lao động, chị V không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Hồ V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị V nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000370 ngày 03/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Thọ 1, tx Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

- Lưu hồ sơ (2);
- Ấn Văn (2).

Trần Thị Ngọc Hà

